



Mã số/ Ref. No: 01044/2025/PKQ (25.607)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU HỌC MÔN
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU HỌC MÔN - Khu phố 2, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP.HCM
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.0607.KT.01	Ống thoát khí thải lò hơi 15T sau HTXL (d=900mm, h=28m) (E00598021; N01200837)	X=1200837, Y=0598021

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 06/03/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 13/03/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.0607.KT.01	C _{max} ⁽¹⁾ – Cột B K _P =1; K _V =0,6
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	22.548	-
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	HDCV/LM-72A	119	-
3	NO _x (Tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	HDCV/LM-82	238	510
4	CO ^(a)	mg/Nm ³	HDCV/LM-82	195	600
5	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	HDCV/LM-82	17	300
6	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	72	120

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 1/2



Mã số/ Ref. No: 01046/2025/PKQ (25.607)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU HÓC MÔN
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU HÓC MÔN - Khu phố 2, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP.HCM
3. Loại mẫu/ Type of sample: Nước mặt
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.0607.NM.01	Nước mặt kênh Tham Lương cách điểm xả thải về phía hạ lưu 100m	X=1200933, Y=0597913
25.0607.NM.02	Nước mặt kênh Tham Lương cách điểm xả thải về phía thượng lưu 100m	X=1200822, Y=0597839

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 06/03/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 13/03/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 08:2023/ BTNMT
				25.0607. NM.01	25.0607. NM.02	Bảng 1 ⁽¹⁾
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,33	6,35	-
2	DO ^(a)	mg/L	TCVN 7325:2016	3,2	3,3	-
3	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	42,5	38,4	-
4	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	38,4	48	-
5	BOD ₅ ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	12,5	15,5	-
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	16,1	17,7	0,3
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ .E: 2023	11,64	14,46	-
8	Phosphate (PO ₄ ³⁻ tính theo P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,31	1,32	-
9	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	SMEWW 5540B&C:2023	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	0,1
10	Tổng dầu mỡ ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	5

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 1/2



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mt-daiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn

VIMCERTS
292

11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1,2x10 ³	2,4x10 ³	-
----	-------------------------	-----------	------------------	---------------------	---------------------	---

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
3. "-": Không quy định
4. (1): Bảng 1. Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Director



ĐOÀN THỊ THỦY



1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 2/2



Mã số/ Ref. No: 01045/2025/PKQ (25.607)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU HÓC MÔN**
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU HÓC MÔN - Khu phố 2, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP.HCM**
3. Loại mẫu/ Type of sample: **Nước thải**
4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.0607.NT.01	Trước HTXL	X=1200027, Y=0598093
25.0607.NT.02	Nước thải đầu ra sau HTXL (bể chứa tái sử dụng) (E00598094; N01200027)	X=1200027, Y=0598094

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 06/03/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 13/03/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result		QCVN 40:2011/BTNMT C _{max} -Cột B K _q =0,9; K _f =1,1
				25.0607. NT.01	25.0607. NT.02	
1	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	7,72	7,42	5,5 ÷ 9
2	Nhiệt độ ^(a)	°C	SMEWW 2550B:2023	33,1	31,5	40
3	Độ màu ^(a)	Pt-Co	SMEWW 2120C:2023	10,9	7,8	150
4	TSS ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	26	22	99
5	COD ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	67,2	16	148,5
6	BOD ₅ ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	34,3	5,1	49,5
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&C:2023	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	9,9
8	Tổng Nito ^(a)	mg/L	TCVN 6638:2000	8,7	6,2	39,6
9	Tổng Phosphor ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,34	0,33	5,94
10	Tổng dầu mỡ khoáng ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1)	KPH (MDL=1)	9,9
11	Coliform ^(a)	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	KPH (MDL=1,8)	KPH (MDL=1,8)	5.000

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 1/2

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn

VIMCERTS**292**

12	Fe ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,54	0,43	4,95
13	As ^(a)	mg/L	SMEWW 3114C:2023	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	0,099
14	Cu ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	1,98
15	Zn ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,22	0,21	2,97
16	Ni ^(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,04)	KPH (MDL=0,04)	0,495
17	Pb ^(a)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0015)	<0,0045	0,495

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
2. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected
3. "-": Không quy định

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM*Supervised by***NGUYỄN CHÍ NHẢ**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 03 năm 2025

GIÁM ĐỐC*Director***ĐOÀN THỊ THỦY**

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 2/2



Mã số/ Ref. No: 03143/2025/PKQ (25.2251)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU HÓC MÔN
2. Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM – XÍ NGHIỆP CAO SU HÓC MÔN - Khu phố 2, Phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP.HCM
3. Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải

4. Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.2251.KT.01	Ống thoát khí thải sau HTXL bụi (d=300mm, h=5m) (E00598016; N01200843)	X=1200843, Y=0598016

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) /Sample date (Sample receipt): 21/04/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 29/04/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.2251.KT.01	C _{max} ⁽¹⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	1.087	-
2	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	86	120

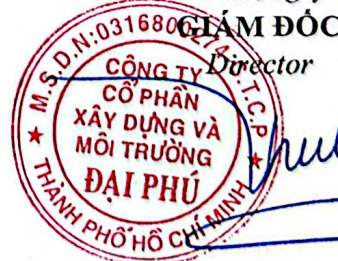
Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.
"-": Không quy định
2. (1): Cột B, K_p=1; K_s=0,6: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P ≤ 20.000 và khu vực nội thành đô thị loại đặc biệt và đô thị loại I; rừng đặc dụng; di sản thiên nhiên, di tích lịch sử, văn hóa được xếp hạng; cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2025



ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample
2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company

Mã số: TTCL-11/BM08

Lần ban hành: 01

Ngày ban hành: 02/07/2021

Trang/ Page No: 1/1